TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05 – 01 – 2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Quốc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Lin

Bà Trần Thị Đổi

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Như Ý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 05 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1072/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 330/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 194/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Linh N, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Hà Trọng P, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Bà N xin vắng mặt, ông P vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/9/2023, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Linh N trình bày: Bà và ông Hà Trọng P là vợ chồng cưới nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/6/2009. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, cải vã, không tìm được tiếng nói chung, chung sống không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn. Bà và ông P đã ly thân với nhau từ năm 2018 đến nay. Nay bà xác định

tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hà Trọng P.

Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, bà và ông P có 02 con chung tên Hà Xuân D, sinh ngày 09/7/2009 và Hà Quang H, sinh ngày 03/02/2012, hiện con đang sống với ông P. Khi ly hôn, bà đồng ý giao các con chung cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Bà N xác định bà và ông P không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà N xác định bà và ông P không có nợ ai.

Bị đơn là ông Hà Trọng P được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện việc bà N yêu cầu được ly hôn với ông P nhưng ông P vẫn vắng mặt không có văn bản ý kiến trình bày đối với các yêu cầu khởi kiện của bà N.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Linh N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Hà Trọng P. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; Ông P hiện đang cư trú tại xã T, huyện Đ, tỉnh Long An. Thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Linh N có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án, nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[3] Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Linh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn là ông Hà Trọng P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Linh N:

[4.1] Về hôn nhân: Xét thấy, bà Nguyễn Thị Linh N và ông Hà Trọng P tự nguyện sống chung vaÌ đaÞ đăng kyì kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 70/2009 đăng kyì ngaÌy 08/6/2009 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Long An cấp, nên xác định hôn nhân giữa bà N và ông P là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Xét thấy, quá trình chung sống giữa bà N và ông P đã phát sinh mâu thuẫn với những nguyên nhân do bà N trình bày. Ông P đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện việc bà N yêu cầu được ly hôn với ông P tại Tòa án, nhưng ông P vẫn không có ý kiến, luôn vắng mặt, không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ mẫu thuẫn tình cảm giữa bà N và ông P là có thật, quan hệ hôn nhân của hai bên đã

lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, việc bà N cương quyết ly hôn với ông P là có cơ sở, nên chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông P là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về nuôi con chung: Theo quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: "...Vợ, chồng được quyền thỏa thuận người trực tiếp nuôi con...; Tại thời điểm xét xử, cháu Hà Xuân D, sinh ngày 09/7/2009 và cháu Hà Quang H, sinh ngày 03/02/2012 đã trên 07 tuổi và có ý kiến nguyện vọng được ở với ông P. Bà N đồng ý giao cháu D và cháu H cho ông P nuôi dưỡng nhưng ông P cũng không có ý kiến phản hồi. Xét thấy, hiện tại cháu D và cháu H đang do ông P trực tiếp nuôi dưỡng và bà N cũng không tranh chấp. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy trên cơ sở đề nghị của bà N và ý kiến của con chung, vì lợi ích của con chung, đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, trong học tập, nên cần giao cháu D và cháu H cho ông P được quyền tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Bà N không cấp dưỡng nuôi con và ông P không có ý kiến phản hồi về việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.3] Về chia tài sản chung: Do ông P cố tình vắng mặt, không có ý kiến trình bày. Ghi nhận bà N xác định không có tài sản chung, Tòa án không đề cập giải quyết. Nếu sau này, các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[4.4] Về nợ chung: Do ông P cố tình vắng mặt, không có ý kiến trình bày. Ghi nhận bà N xác định không có nợ chung, Tòa án không đề cập giải quyết, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[5] Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Linh N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Linh N.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Linh N được ly hôn với ông Hà Trọng P.

2. Về nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Hà Trọng P được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên là Hà Xuân D, sinh ngày 09/7/2009 và cháu

Hà Quang H, sinh ngày 03/02/2012. Bà N không phải cấp dưỡng nuôi con do ông P không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì người trực tiếp nuôi con, người không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về chia tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Linh N phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà Nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005980 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Bà N đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông P không phải chịu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Quốc